

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2018/HS-ST

Ngày: 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V – TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Văn Móm Em**.

- Bà **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Công Hậu** - Kiểm sát viên .

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 08 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo :

Huỳnh Văn Minh S – sinh ngày 06 tháng 06 năm 2001; Nơi sinh tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: làm vườn ; Trình độ văn hóa: 6/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn L, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo là:

1/. Ông **Huỳnh Văn L** –sinh năm 1973; Nghề nghiệp: làm vườn là cha của bị cáo (có mặt).

2/. Bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1970; Nghề nghiệp: làm vườn là mẹ của bị cáo (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 21/09/2018).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

- Bị hại:

1/. Ông **Nguyễn Thành T** – sinh năm: 1966 (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 21/09/2018).

2/. Ông **Nguyễn Văn L** – sinh năm: 1977 (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 21/09/2018)

3/. Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm: 1976 (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 27/09/2018)

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông **Huỳnh Văn L** – sinh năm: 1973 (có mặt).

2/. Bà **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1970 (vắng, có đơn xin vắng mặt ngày 21/09/2018).

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 05/3/2018 bị cáo S đi đến nhà của anh T, ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L. Lúc này anh T đi chợ, nhà đóng cửa, thấy nhà của anh T không có người trông giữ nên S nảy sinh ý định vào nhà anh T trộm cắp tài sản. Bị cáo S đi vào nhà nấu ăn tìm chìa khóa mở cửa, đi đến tủ Gạc băng ghê thấy chùm chìa khóa để trên đầu tủ S lấy chùm chìa khóa đi đến cửa sau mở cửa vào bên trong nhà của anh T, S đi đến tủ thờ dùng tay kéo mạnh cánh cửa bên hong phải tủ thờ, cánh cửa bung ra, khi lục soát đồ đạc bên trong ngăn tủ thờ thì phát hiện 01 bao túi vải bằng nhung màu đỏ, S kéo sợi dây xích túi vải ra phát hiện bên trong túi vải có 03 chiếc nhẫn vàng 24K, Sang lấy 03 chiếc nhẫn bỏ vào túi quần, rồi để túi vải lại bên trong ngăn tủ. Bị cáo S đóng cửa tủ thờ lại quay trở ra khóa cửa nhà sau lại, để chùm chìa khóa lại trên đầu tủ Gạc băng ghê và đi ra khỏi nhà của anh T. Đến khoảng 09 giờ 10 phút anh T đi chợ về phát hiện ổ khóa của tủ thờ bị hỏng, đồ đạc bên trong bị lục soát, anh T kiểm tra lại 03 chiếc nhẫn vàng 24K gồm một nhẫn vàng trọng lượng 01 chỉ, một nhẫn vàng trọng lượng 02 chỉ và một nhẫn vàng trọng lượng 03 chỉ để trong túi vải nhung, màu đỏ đã bị mất. Sau đó anh T đến trình báo sự việc bị mất tài sản với Công an xã.

Sau khi lấy trộm số vàng của anh T, khoảng 10 ngày sau S đến Tiệm vàng Kim Phong Hào ở chợ huyện V bán 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ,

số tiền bảy triệu mấy. Khoảng 03, 04 ngày sau S quay trở lại Tiệm vàng Kim Phong Hào bán tiếp 01 chiếc nhẫn vàng vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ, số tiền ba triệu mấy và 05 ngày sau S quay trở lại Tiệm vàng Kim Phong Hào bán tiếp 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ, số tiền 10.500.000đ. Số tiền này S tiêu xài cá nhân và tham gia đá gà ăn thua bằng tiền hết.

Ngoài ra, vào khoảng 08 giờ ngày 27/3/2018 bị cáo Huỳnh Văn Minh S đã có hành vi lấy trộm một máy tính bảng Ipad của anh Nguyễn Văn L, ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L đem về nhà, do máy Ipad có mật khẩu S không sử dụng được nên S lén đem máy Ipad để trước hàng rào nhà của anh L trả lại cho anh L, nhưng anh L không nhận được.

Vào khoảng trước tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 S đã lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị L ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L số tiền 1.850.000đ. Số tiền này S đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 29/TTHS, ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm, kết luận 07 (Bảy) chỉ vàng 24K, giá trị thành tiền là 25.760.000đ (Hai mươi triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Theo biên bản và kết luận định giá tài sản số 57/TTHS, ngày 23/08/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Vũng Liêm, kết luận 01 máy tính bảng Ipad giá trị thành tiền là 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự :

Ông Huỳnh Văn L là cha của bị cáo S đã thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L xong. Ông T và ông L không có yêu cầu gì, bà L yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo S.

Quá trình điều tra vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Văn Minh S phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS ngày 09/08/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử bị cáo Huỳnh Văn Minh S về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm** phát biểu lời luận tội, đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm

2017 tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Minh S phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) tháng đến 9 (chín) tháng tù.

-Về trách nhiệm dân sự :

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị N đã khắc phục hậu quả cho những người bị hại xong, người bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận mình có tội và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng qui định pháp luật.

Người bị hại là ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ngày 21/8/2018 bị cáo Huỳnh Văn Minh S và người đại diện hợp pháp của bị cáo S là ông Huỳnh Văn L có đơn yêu cầu từ chối người bào chữa, căn cứ Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 Tòa án chấm dứt việc chỉ định người bào chữa cho bị cáo.

[2] Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, vào khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 05/3/2018 bị cáo Huỳnh Văn Minh S đã có hành vi lén lút vào nhà của ông Nguyễn Thành Tg, ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L lấy trộm 03 chiếc nhẫn vàng, trọng lượng 06 (sáu) chỉ vàng 24K. Ngày 27/3/2018 bị cáo S đã có hành vi lấy trộm một máy tính bảng Ipad của anh Nguyễn Văn L, ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L trị giá 4.400.000đ (bốn triệu bốn trăm ngàn đồng). Vào khoảng trước tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 bị cáo S đã lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị L, ngụ tại ấp C, xã T, huyện V, tỉnh L số tiền 1.850.000đ (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Huỳnh Văn Minh S là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại trái pháp luật đến quyền sở hữu, quyền quản lý và quyền sử dụng về tài sản được pháp luật Hình sự quy định và bảo vệ.

Bị cáo Huỳnh Văn Minh S là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý vì động cơ mục đích là tư lợi cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh để đảm bảo ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương, nhằm giáo dục cho bị cáo sau này không tiếp tục tái phạm tội, sửa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Huỳnh Văn Minh S phạm tội “ *Trộm cắp tài sản* ” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[5] Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thuộc trường hợp người chưa thành niên phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có cậu ruột là người có công cách mạng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bản thân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 03 lần, nên xem đây là tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự .

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Huỳnh Văn Minh S và người bị hại ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong, người bị hại không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị N tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo. Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Bị cáo Huỳnh Văn Minh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 90; Điều 91; Điều 101; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 77; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/- Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Văn Minh S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2/- Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Minh S 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2/. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo Huỳnh Văn Minh S và người bị hại là ông Nguyễn Thành T, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong, người bị hại không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị N tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo. Ông Huỳnh Văn L và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/- Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn Minh S phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Công an huyện V;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Cường